

Số: /TTr-CQLTNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn – Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ giao, Cục Quản lý tài nguyên nước phối hợp với Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia tổ chức lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cục Quản lý tài nguyên nước kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và vùng phụ cận nằm ở sườn Đông của dãy núi Trường Sơn thuộc vùng Duyên hải Miền Trung, chảy trên địa bàn 02 tỉnh Gia Lai và Quảng Ngãi trước khi đổ ra biển. Lưu vực sông Kôn - Hà Thanh có tổng diện tích lưu vực là 3.809 km² thuộc các tỉnh Gia Lai (gồm có 38/135 xã, chiếm 99,8% diện tích lưu vực), Quảng Ngãi (một phần diện tích xã Ba Tơ nằm trong khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn của tỉnh Quảng Ngãi chiếm 0,2% diện tích lưu vực). Vùng phụ cận nằm về phía Đông – Bắc của lưu vực sông Kôn – Hà Thanh, nằm trọn trong tỉnh Gia Lai thuộc địa phận 27 xã của tỉnh Gia Lai với tổng diện tích khoảng 2.573 km².

Tổng lượng nước mặt trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh khoảng 5,3 tỷ m³. Tuy nhiên, nguồn nước mặt trên lưu vực phân bố không đều theo không gian và thời gian, mùa lũ chiếm khoảng 70%, mùa kiệt chiếm khoảng 30% tổng lượng dòng chảy năm, lượng nước bình quân đầu người mùa cạn khoảng 2.000 m³/người, dẫn đến thiếu nước cục bộ trên một số vùng trong mùa cạn. Nguồn nước dưới đất có thể khai thác ổn định trên lưu vực sông khoảng 0,25 tỷ m³, chiếm 7% so với lượng nước có thể khai thác, sử dụng trên toàn lưu vực nhưng khả năng tiếp cận nguồn nước tại các khu vực vùng núi cao, vùng sâu vùng xa rất khó khăn. Ngoài ra, tác động của biến đổi khí hậu và việc phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn làm cho diễn biến tài nguyên nước càng trở nên phức tạp hơn. Bên cạnh đó, lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đang đối mặt với các thách thức như sau:

1. Chưa có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, trong khi quy hoạch tổng hợp lưu vực sông là nền tảng để xây dựng và thực hiện các quy hoạch có khai thác, sử dụng nước.

2. Lưu vực sông Kôn - Hà Thanh có sự biến đổi nguồn nước không đều

theo không gian, thời gian trên lưu vực và tác động của việc phát triển các công trình hồ chứa thủy điện, thủy lợi làm ảnh hưởng đến nguồn nước thì lưu vực sông Kôn – Hà Thanh đang chịu tác động của biến đổi khí hậu đặc biệt trong 10 năm gần đây có xu thế ngày càng diễn biến phức tạp, cực đoan, khó lường, tần suất và cường độ ngày càng lớn gây nhiều tổn thất trên tất cả các mặt về kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh. Các biểu hiện rõ rệt nhất do tác động của BĐKH lên LVS Kôn – Hà Thanh là nước biển dâng khoảng 12-15 cm trong 30 năm qua, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng (1998, 2009, 2016...), mùa khô, hạn hán thường xuyên xảy ra và diễn biến phức tạp. Điển hình năm 2019, hầu hết hồ chứa trên địa bàn tỉnh đều ở dưới mực nước chết, hai vùng trọng điểm lúa của tỉnh Bình Định cũ thuộc lưu vực sông Kôn là An Nhơn – Tuy Phước cũ và Tây Sơn – Vĩnh Thạnh cũ thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu nước tưới, các công trình thủy lợi cũng chỉ đảm bảo tưới cho khoảng 50% diện tích đất canh tác. Không chỉ thiếu nước tưới mà nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, nuôi trồng thủy sản trong mùa khô ở hạ lưu cũng không đáp ứng được.

3. Trong mùa khô, mực nước sông Kôn và một số sông chính đang có xu thế hạ thấp làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác, sử dụng nguồn nước của các công trình lấy nước trực tiếp từ dòng chính.

4. Khan hiếm nước trong mùa khô và thiếu nước sinh hoạt ở các vùng sâu, vùng xa đang diễn ra ở nhiều nơi trên lưu vực sông. Điều kiện tiếp cận với nguồn nước của người dân ở những vùng sâu, vùng xa rất khó khăn, nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nước mưa, nước dưới đất. Đây là thách thức lớn nếu như không có giải pháp kịp thời để quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước trên lưu vực sông trong tương lai. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang phối hợp với các Bộ, địa phương cấp tỉnh đang khẩn trương điều tra, đánh giá, tìm kiếm nguồn nước để cấp nước sinh hoạt 15 vùng khan hiếm nước để xây dựng các công trình cấp nước phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên vùng quy hoạch.

5. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước lãng phí, kém hiệu quả vẫn đang xảy ra trên lưu vực sông. Nhiều công trình khai thác, sử dụng nước chưa được vận hành, khai thác theo đúng thiết kế nhất là các hồ chứa thủy lợi, một số hồ chứa vận hành, khai thác chỉ được khoảng 75,7%¹ năng lực thiết kế.

Từ thực trạng và những thách thức nêu trên, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng nhằm quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, khôi phục nguồn nước suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và thích ứng với biến đổi khí hậu gồm: Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị quyết số 99/NĐ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng,

¹ Báo cáo Tổng kết công tác Phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023, tỉnh Bình Định cũ

an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó, việc lập và phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết góp phần giải quyết những thách thức nêu trên và hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn – Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập theo các quy định của Luật Quy hoạch, Luật Tài nguyên nước; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các thông tin, số liệu, ý kiến đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2026, Cục Quản lý tài nguyên nước đã phối hợp với Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia tổ chức triển khai xây dựng dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn – Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cục Quản lý tài nguyên nước đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo tham vấn lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Quy hoạch.

2. ...(sẽ bổ sung)

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý tài nguyên nước phối hợp với Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Quy hoạch, kính trình Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn – Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH

1. Quan điểm

a) Tài nguyên nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu, liên vùng, liên tỉnh, giữa các địa phương trên cùng lưu vực sông, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

b) Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, xác định biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu phải sống chung và chủ động thích ứng; gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác. Làm cơ sở xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực để bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông.

c) Tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự

nhiên, phù hợp với khả năng của nguồn nước. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm việc chia sẻ nguồn nước giữa các ngành, các vùng, các địa phương trong vùng quy hoạch.

d) Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa trên lưu vực sông.

đ). Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, bảo vệ di sản, di tích lịch sử văn hóa, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông, tích trữ, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước một cách công bằng, hợp lý², khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, thảm phủ thực vật và đa dạng sinh học. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, có lộ trình phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm³, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia trên cơ sở xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, các ngành có khai thác, sử dụng nước.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Tích trữ, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các tiểu vùng quy hoạch, các đối tượng sử dụng nước trong vùng, giữa vùng thượng lưu với vùng hạ lưu, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;

b) Bảo vệ nguồn nước mặt, nước dưới đất, bảo vệ chức năng nguồn nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy, các nguồn nước có chức năng điều hòa (sông, suối, hồ, ao,...), các nguồn nước có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa nhằm từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiểm soát được hoạt động xả nước thải vào nguồn nước từ hoạt động sản xuất và nước thải sinh hoạt không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước;

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm

² Mục tiêu tổng quát của Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

³ Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sạt, lún mặt đất;

d) Từng bước phục hồi nguồn nước mặt bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội; phục hồi mực nước dưới đất tại các khu vực bị suy giảm quá mức;

đ) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, kết hợp bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định để đánh giá nguồn nước trên lưu vực, giám sát thực hiện quy hoạch, nhằm hỗ trợ điều hòa, phân bổ nguồn nước trong vùng quy hoạch;

g) Phân đầu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch, gồm:

- 60% các vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông được giám sát, có lộ trình giám sát tự động, trực tuyến phù hợp;

- 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải;

- 80% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định;

- 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng không được san lấp được công bố và quản lý chặt chẽ;

- 50% nguồn nước được cấm mốc thuộc đối tượng phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước;

- 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- 50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 20% từ các đô thị từ loại V trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường;

- Bảo vệ nguồn sinh thủy, duy trì, phát triển rừng bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng đạt 66% diện tích.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ di sản, di tích lịch sử văn hóa;

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh;

c) Phòng, chống sạt, lở bờ sông, suối có hiệu quả, kiểm soát được cao độ đáy sông, hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; bố trí lại dân cư ven sông và các biện pháp khác để từng bước nâng cao giá trị cảnh quan ven sông;

d) Kiểm soát được ngập úng do mưa, lũ thông qua các biện pháp phi công trình, công trình trữ nước tại vùng ngập, vùng trũng;

đ) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao giá trị sử dụng nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

3. Nội dung Quy hoạch, gồm những nội dung chính sau đây

- a) Chức năng nguồn nước;
- b) Quản lý, bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh nước cho các mục đích khai thác, sử dụng đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông;
- c) Quản lý, khai thác, sử dụng nước bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông;
- d) Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước;
- đ) Công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước;
- e) Bảo vệ tài nguyên nước;
- g) Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông và sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất;
- h) Hệ thống giám sát tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và chất lượng nước.

4. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

- a) Tăng cường hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước;
- b) Giải pháp về bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước; giải pháp về khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế; giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện Quy hoạch; giải pháp về giáo dục và tuyên truyền thực hiện Quy hoạch.

5. Tổ chức thực hiện

Quy định phân công trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa phương liên quan quản lý, giám sát, tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Các ý kiến về căn cứ lập quy hoạch

.....

2. Các ý kiến về quan điểm

.....

3. Các ý kiến về mục tiêu

.....

4. Các ý kiến về nội dung

.....
5. Các ý kiến về giải pháp thực hiện
.....

6. Các ý kiến về tổ chức thực hiện
.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình

1. Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.

2. Báo cáo tổng hợp.

3. Báo tóm tắt.

4. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

5. Bản đồ quy hoạch.

6. Tập văn bản góp ý của các bộ, ngành, địa phương, đối tượng khai thác, sử dụng nước lớn và bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

Cục Quản lý tài nguyên nước kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp;
- Lưu: VT, TNN, TNNQG.

CỤC TRƯỞNG

Châu Trần Vĩnh